

Bản án số: **293/2018/HS-ST**
Ngày: 20/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Bùi Bá Huynh;

- Ông Trần Quốc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 291/2018/TLST-HS ngày 01/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2018/QĐXXST-HS ngày 05/11/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D; Sinh năm 1991; Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Xóm 12, xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Tuấn; Con bà: Trương Thị Quế; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; **Tiền án, tiền sự:** Không;

Danh chỉ bản số 581, lập ngày 17/8/2018, tại Công an quận Nam Từ Liêm; Bị cáo ra đầu thú ngày 15/8/2018; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn D: Ông Phạm Đức Thảo và ông Tạ Văn Tú - Luật sư, thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội. Luật sư Công ty Luật TNHH An Quốc;

Địa chỉ: P.211/E3B, khu đô thị Yên Hòa, đường Vũ Phạm Hàm, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Ông Thảo vắng mặt, ông Tú có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Đặng Phúc Lộc; Sinh năm 1993; HKTT: Thôn Ngọc Thỏ, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Tổ dân phố Phú Thứ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Anh Lộc vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3 năm 2017, Nguyễn Văn D và anh Đặng Phúc Lộc (*Sinh năm: 1993; HKTT: Thôn Ngọc Thỏ, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định*) và anh Hoàng Đức Quân (*Sinh năm: 1992; HKTT: Thôn Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định*) ở cùng phòng trọ tại tổ dân phố Phú Thứ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ngày 22/4/2017, Dũng đã hỏi mượn anh Lộc chiếc xe máy Honda Wave Alpha, BKS: 18Kl - 204.26 để đi giải quyết việc riêng, anh Lộc đồng ý và giao xe máy cùng giấy đăng ký và bằng lái xe máy của anh Lộc cho Dũng để sử dụng. Sau khi mượn được xe máy, Dũng gọi điện cho nhiều người để hỏi vay tiền, nhưng không liên lạc được với ai, nên Dũng nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy của anh Lộc để lấy tiền. Chiều ngày 22/4/2017, Dũng điều khiển xe máy Honda Wave Alpha, BKS: 18Kl - 204.26 đến cửa hàng cầm đồ số 67, đội 1, Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, của chị Nguyễn Thị Hương Giang (*Sinh năm: 1987; HKTT: Xóm Cộng Hòa, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội*) cầm cố xe máy cùng giấy đăng ký và bằng lái xe máy, lấy 9.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín triệu đồng*). Số tiền này, Dũng đã chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 20 giờ ngày 22/4/2017, anh Lộc gọi điện cho Dũng đòi xe máy thì Dũng nói dối “*đang ở quê, xe máy gửi ở nhà chị gái*”, sau đó Dũng tắt nguồn điện thoại. Do không có tiền để chuộc xe máy, nên khoảng 23 giờ ngày 23/4/2017, Dũng mở điện thoại gọi cho anh Lộc và tiếp tục nói dối “*đang ở quê Ninh Bình chưa ra, khi nào ra sẽ trả lại xe máy*”, sau đó tiếp tục tắt nguồn điện

thoại để anh Lộc không liên lạc được. Do không liên lạc được với Dũng nên Lộc nhờ Quân liên lạc với Dũng, đến ngày 27/4/2017, Quân liên lạc được với Dũng và được Dũng hẹn gặp ở đường Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tại đây Dũng đưa cho Quân biên lai cầm đồ xe máy để Quân mang về đưa cho Lộc, đến tối cùng ngày, Dũng điện thoại cho anh Lộc và nói đã cầm cố xe máy của Lộc và xin thời hạn 03 ngày để Dũng đi lo tiền về chuộc xe máy trả cho Lộc. Hết ba ngày, đến ngày 29/4/2017, do không có tiền để chuộc xe máy trả cho anh Lộc nên Dũng tắt nguồn điện thoại, bỏ trốn. Vì sợ xe máy bị thanh lý nên anh Lộc đã đến cửa hàng cầm đồ của chị Giang để nộp tiền lãi, tổng cộng là 1.000.000 đồng, vào các ngày 03/5/2017 và 10/5/2017. Do không còn tiền để trả lãi và trả tiền chuộc xe máy nên anh Lộc đã làm đơn tố cáo Nguyễn Văn D gửi đến cơ quan điều tra.

Ngày 17/5/2017, Công an quận Nam Từ Liêm đã thu giữ của chị Nguyễn Thị Hương Giang 01 xe máy Honda Wave Alpha, BKS: 18K1 - 204.26, 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe mang tên Đặng Phúc Lộc, để phục vụ điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 149/KLĐGTS ngày 25/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, kết luận: *“01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu trắng-bạc-đen, BKS: 18K1 - 204.26, số khung: Y-241441, số máy: E-5241605, đăng ký lần đầu ngày 28/02/2014, tài sản đã qua sử dụng, hiện vẫn còn sử dụng được. Trị giá tài sản là: 8.000.000đồng (Bằng chữ: Tám triệu đồng)”*.

Ngày 06/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 148/CQĐT(ĐTHS), trao trả 01 xe máy Honda Wave, màu trắng, biển kiểm soát 18K1 - 204.26, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 024309 và 01 giấy phép lái xe mang tên Đặng Phúc Lộc cho anh Lộc.

Đối với việc nhận cầm cố xe máy của chị Nguyễn Thị Hương Giang, khi nhận cầm cố chiếc xe máy Honda Wave Alpha, BKS:18K1-204.26, chị Giang không biết là tài sản do Dũng phạm tội mà có, nên cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với chị Giang.

Về dân sự:

Anh Đặng Phúc Lộc sau khi nhận xe máy và được gia đình Dũng bồi thường 1.000.000 đồng, anh Lộc không có yêu cầu gì về dân sự.

Chị Nguyễn Thị Hương Giang được gia đình Dũng trả lại số tiền 9.000.000 đồng tiền cầm cố xe máy, nên chị Giang không có yêu cầu gì.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn D khai nhận hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số 307/CT-VKSNTL ngày 30/10/2018 của Viện kiểm sát nhân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tội danh và khung hình phạt quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội*).

Điều luật quy định:

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố đối với bị cáo về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (*Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội*), là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, ra đầu thú, đã khắc phục hậu quả; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Không. Về xử lý vật chứng: Không.

Người bào chữa cho bị cáo D: Ông Tạ Văn Tú xác định cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân và ra đầu thú. Gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả, tài sản đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo về chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú, để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy, có đủ cơ sở để xác định: Ngày 22/04/2017, Nguyễn Văn D đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe mô tô Honda Wave Alpha, BKS: 18K1-204.26 của anh Đặng Phúc Lộc, với mục đích lấy tiền tiêu sài cá nhân. Giá trị tài sản Dũng chiếm đoạt của anh Lộc là: 8.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám triệu đồng*).

Hành vi nêu trên của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình năm 1999, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, nên, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật. Xét, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nên, áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, giao bị cáo về chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú, để giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về đề nghị của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo D từ 06 đến 09 tháng tù, là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[8] Về xử lý vật chứng: Không.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo, người bị hại, người bào chữa cho bị cáo, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*.

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b, i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D **08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.** Trả tự do ngay cho bị cáo, nếu bị cáo không bị giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, Khoản 1 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- UBND xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lệ Thủy

